

KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2010

(Kèm theo Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 05/02/2010
của UBND huyện Phú Quý)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch Huyện giao	Trong đó		
			Tam Thanh	Long Hải	Ngũ Phụng
A. Kinh tế					
I. Nông nghiệp					
1. Trồng trọt					
1.1. Sản lượng một số cây trồng					
- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	0	0	0	0
Trong đó: + Bắp	Tấn	0	0	0	0
- Hạt điều	Tấn	100	35	30	35
1.2. Tổng diện tích gieo trồng	Ha	495	165	165	165
a) Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Ha	350	115	115	120
- Cây lương thực	Ha	0	0	0	0
Trong đó: Cây bắp	Ha	0	0	0	0
- Cây có bột	Ha	100	35	35	30
- Cây thực phẩm	Ha	250	80	80	90
- Cây công nghiệp ngắn ngày					
b) Cây lâu năm	Ha	145	50	50	45
Trong đó: cây điều	Ha	145	50	50	45
2. Chăn nuôi					
- Tổng đàn bò	Con	1,100	330	330	340
- Tổng đàn lợn	Con	3,000	1,000	1,000	1,000
- Gia cầm	1000con	10	4	3	3
- Sản phẩm chăn nuôi	Tấn	200	70	65	65
II. Lâm nghiệp					
- Trồng rừng tập trung (trồng mới)					
- Trồng cây phân tán	Cây	30,000	10,000	10,000	10,000
- Rừng giao khoán bảo vệ	Ha	160			
III. Thủy sản					
1. Sản lượng khai thác hải sản	Tấn	23,000	8,000	8,000	7,000
2. Nuôi trồng thủy sản					
- Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	0			
- Sản lượng nuôi trồng thủy sản (nuôi nước mặn)	Tấn	300			
3. Sản xuất giống thủy sản	Tr.post				
4. Năng lực tàu thuyền	Chiếc	1,390			
Công suất	CV	73,800			
- Tàu cá từ 90 CV trở lên	Chiếc	150			